

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36VHDD1 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 6
(90,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122VH064100701 - Ho` h c H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3605010053	36VHDD1	Huunh Tu n Anh	15/09/1993						4.0	5.0				4.5	2.3	8.0	4.0	6.3	
2	3605010045	36VHDD1	Nguy n Ho@ B o	12/08/1997						3.0	4.0				3.5	1.8	7.0	3.5	5.3	
3	3605010085	36VHDD1	TÑg Th@nh Công	10/11/1990						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3605010036	36VHDD1	Tr ng VÑh Danh	13/08/1989						7.0	6.0				6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
5	3605010025	36VHDD1	Nguy n Ho@ng Duy	23/10/1995						0.0	4.0				2.0	1.0	0.0	0.0	1.0	
6	3605010013	36VHDD1	T H ng Duy	03/05/1994						4.0	6.0				5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
7	3605010038	36VHDD1	Vô Anh Duy	29/10/1995						6.0	4.0				5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
8	3605010073	36VHDD1	Ph m Qu c D ng	21/05/1992						1.0	0.0				0.5	0.3	0.0	0.0	0.3	
9	3605010047	36VHDD1	Nguy n Minh ã o	16/01/1997						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
10	3605010094	36VHDD1	Tr ng H i ã Ñg	11/07/1997						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
11	3605010061	36VHDD1	Nguy n L u ã u	15/10/1990						4.0	7.0				5.5	2.8	7.0	3.5	6.3	
12	3605010044	36VHDD1	Tr n VÑh B° Hai	29/11/1996						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
13	3605010054	36VHDD1	Nguy n Ph c H i	21/02/1996						4.0	0.0				2.0	1.0	3.0	1.5	2.5	
14	3605010019	36VHDD1	Mai Hùng H u	12/05/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
15	3605010014	36VHDD1	Lĩ VÑh Hi n	13/12/1989						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
16	3605010121	36VHDD1	Nguy n VÑh Hi p	10/11/1994						1.0	3.0				2.0	1.0	3.0	1.5	2.5	
17	3605010006	36VHDD1	Ph m L² Hoàng	20/02/1990						4.0	0.0				2.0	1.0	7.0	3.5	4.5	
18	3605010083	36VHDD1	Nguy n Nam H ng	09/04/1995						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
19	3605010016	36VHDD1	Nguy n Ph c Khanh	01/07/1995						4.0	6.0				5.0	2.5	8.0	4.0	6.5	
20	3605010088	36VHDD1	Ng» Quy n VIO Luân	08/05/1996						1.0	0.0				0.5	0.3	4.0	2.0	2.3	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36VHDD1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 6
(90,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122VH064100701 - Ho h c H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3605010068	36VHDD1	Võ Anh Luân	02/01/1992						3.0	7.0				5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
22	3605010046	36VHDD1	Huỳnh T n L c	18/10/1989						3.0	4.0				3.5	1.8	2.0	1.0	2.8	
23	3605010063	36VHDD1	Nguy n C»ng Nghi p	01/12/1993						3.0	5.0				4.0	2.0	9.0	4.5	6.5	
24	3605010060	36VHDD1	Tr n H u Ngh	14/09/1995						2.0	0.0				1.0	0.5	0.0	0.0	0.5	
25	3605010059	36VHDD1	Bùi Tá Ng c	09/02/1992						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
26	3605010120	36VHDD1	Nguy n L ² Nhân	19/10/1994						0.0	4.0				2.0	1.0	3.0	1.5	2.5	
27	3605010039	36VHDD1	Huỳnh C»ng Quang	22/12/1984						6.0	8.0				7.0	3.5	4.0	2.0	5.5	
28	3605010033	36VHDD1	Tr n Minh Quân	29/03/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
29	3605010028	36VHDD1	Lâm Hoài Sang	08/04/1997						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
30	3605010092	36VHDD1	Lê Hoàng S n	12/12/1989						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
31	3605010067	36VHDD1	Lê Minh Tú	14/09/1994						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
32	3605010029	36VHDD1	Tr n Vấ T ng	07/07/1991						4.0	0.0				2.0	1.0	0.0	0.0	1.0	
33	3605010001	36VHDD1	Nguy n Vấ Thanh	00/00/1994						6.0	5.0				5.5	2.8	8.0	4.0	6.8	
34	3605010070	36VHDD1	Tr n ấ nh Thái	03/03/1995						4.0	7.0				5.5	2.8	9.0	4.5	7.3	
35	3605010075	36VHDD1	Tr n Quang Trí	21/05/1997						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
36	3605010064	36VHDD1	Tr n Qu c Trung	28/11/1997						0.0	0.0				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
37	3605010058	36VHDD1	Nguy n C»ng Tr	10/06/1993						3.0	5.0				4.0	2.0	3.0	1.5	3.5	
38	3605010003	36VHDD1	ấ o Th Vinh	25/01/1997						5.0	4.0				4.5	2.3	3.0	1.5	3.8	

T ñg s : 38 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa